Phụ lục III

MỨC CHỈ DẪN TRONG CHIẾU XẠ Y TẾ

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BKHCN-BYT ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Y tế)

Bảng 1. Mức chỉ dẫn liều đối với chụp X quang chẩn đoán

Kiểu chụp		Liều xâm nhập bề mặt trong 1 lần chụp* (mGy)
Chụp sọ:		
- Chụp từ phía trước ra phía sau:	AP	5
- Chụp từ phía sau ra phía trước:	PA	5
- Chụp nghiêng:	Lat	3
Chụp ngực:		
	PA/AP	0,4
	Lat	1,5
Chụp cột sống vùng ngực:		
	AP/PA	7
	Lat	20
Chụp bụng:	AP	10
Chụp cột sống thắt lưng:		
	AP	10
	Lat	30
Chụp đốt sống cùng:	LSJ	40
Chụp khung chậu:	AP	10

Chú thích: * Đo trong không khí với tia tán xạ ngược. Giá trị này áp dụng đối với tổ hợp phim - bìa tăng quang thông thường tốc độ 200. Với tổ hợp phim - bìa tăng quang có tốc độ cao (400-600) giá trị này sẽ giảm khoảng 2 - 3 lần.

Mức chỉ dẫn liều đối với chụp X quang vú*

Liều mô trung bình trên một lần chụp - Không sử dụng lưới chống tán xạ: 1 mGy - Sử dụng lưới chống tán xạ: 3 mGy

* Chiều dày vú ép là 45 mm và thiết bị chụp X quang vú sử dụng bia Mo, phin lọc Mo

Bảng 2. Mức chỉ dẫn liều đối với chụp cắt lớp vi tính CT Sanner

Kiểu chụp	Liều trung bình cho một lần chụp với nhiều lát cắt (mGy)
Chụp sọ	60
Chụp cột sống	25
Chụp ổ bụng	40

Bảng 3. Hoạt độ phóng xạ trong y học hạt nhân

TT	Phép kiểm tra	Hạt nhân phóng xạ	Dạng hóa chất	Hoạt độ lớn nhất thường dùng cho một phép kiểm tra (MBq)
1	**Xương**			
1.1	Xạ hình xương	Tc – 99 m	Phosphonat và phosphat hợp chất	600
1.2	Xạ hình cắt lớp đơn photon	Tc – 99 m	Phosphonat và phosphat hợp chất	800
1.3	Xạ hình tủy xương	Tc – 99 m	Keo đánh dấu	400
2	**Não**			
2.1	Xạ hình não (tĩnh)	Tc – 99 m	TcO_4^-	600
		Tc – 99 m	Dietylen triamin acid pentaacetic (DTPA), gluconat và glucoheptonat	600
2.2	Chụp SPECT não	Tc – 99 m	TcO_4^-	600
		Tc – 99 m	Dietylen triamin acid pentaacetic (DTPA), gluconat và glucoheptonat.	600
		Tc – 99m	Exametazin	600
2.3	Lưu thông máu não	Xe – 133	Trong dung dịch natri clorua đẳng trương.	400
		Tc – 99 m	Hexametyl	600

			propylene amin oxym (HM-PAO).	
2.4	Chụp hệ tiết niệu	In - 111	DTPA	40
3	**Tuyến lệ**			
	Lưu thông tuyến lệ	Tc-99 m	TcO_4^-	4
		Tc-99 m	Chất keo đánh dấu	4
4	**Tuyến giáp**			
4.1	Chụp hình tuyến giáp	Tc-99 m	TcO_4^-	200
		I – 123	I	20
4.2	Di căn tuyến giáp (sau cắt bỏ)	I-131	I	400
4.3	Chụp hình tuyến cận giáp	TI-201	Taliclorua	80
5	**Phổi**			
5.1	Chụp hình lưu thông khí phổi (Lung ventilation imaging)	Kr – 81 m Tc – 99 m	Khí DTPA sol khí	6000 185
5.2	Nghiên cứu lưu thông khí phổi (Lung ventilation studies)	Xe – 133 Xe – 127	Khí Khí	400 200
5.3	Chụp hình hệ mạch máu phổi (Lung perfusion imaging)	Kr – 81 m Tc – 99 m	Dung dịch nước Albumin của người (macroagregate hoặc microsphere)	6000 185
5.4	Chụp hình hệ mạch máu phổi (chụp ven) (Lung perfusion imaging with venography)	Tc – 99 m	(macroagregate hoặc microsphere)	185
5.5	Nghiên cứu hệ mạch máu phổi (Lung perfusion studies)	Xe – 133 Xe – 127	Dung dịch đẳng trương Dung dịch clorua đẳng trương	200 200
5.6	Chụp hình phổi (SPECT)	Tc – 99	Macroaggregated albumin (MAA)	200
6	**Gan và lách**			
6.1	Chụp hình gan và lách	Tc – 99 m	Chất keo đánh dấu	185
6.2	Chụp hình chức năng hệ	Tc – 99 m	Irninodiaxetat và	185

	bài tiết mật		dung môi tương đương	
6.3	Chụp hình lách	Tc – 99 m	Tế bào hồng cầu biến tính được đánh dấu	185
6.4	Chụp hình gan (SPECT)	Tc – 99 m	Chất keo đánh dấu	370
7	**Hệ tim mạch**			
7.1	Nghiên cứu lưu lượng máu hệ tim mạch	Tc – 99 m Tc – 99 m Tc – 99 m	TcO_4^- DTPA Macroaggregated globulin 3	800 800 400
7.2	Chụp hình máu ở buồng tim	Tc-99 m	Phức hợp albumin của người	370
7.3	Chụp hình cơ tim/nghiên cứu thử	Tc-99 m	Phức hợp alumin của người	800
7.4	Chụp hình hệ tim mạch/nghiên cứu thử	Tc-99 m	Tế bào hồng cầu lành được đánh dấu	800
7.5	Chụp hình cơ tim	Tc- 99m	Phosponat và phosphate hợp chất	600
7.6	Chụp hình cơ tim (SPECT)	Tc- 99m	Isonitril	600
		TI – 201 Tc- 99m Tc- 99m	Taliclorua Phosphonat và Phosphat hợp chất Isonitril	100 800 600
8	**Dạ dày, hệ tiêu hóa**			
8.1	Chụp dạ dày và tuyến nước bọt	Tc- 99m	TcO_4^-	185
8.2	Chụp hình túi thừa Meckel	Tc- 99m	TcO_4^-	400
8.3	Chảy máu ruột non	Tc- 99m Tc- 99m	Chất keo đánh dấu Tế bào hồng cầu lành đánh dấu	400 400
8.4	Lưu thông thực quản	Tc-99m Tc-99m	Keo đánh dấu Hợp chất không hấp thụ	40 40
8.5	Chụp hình dạ dày rỗng	Tc-99m	Hợp chất không hấp thụ	185

		In-111 In-113 m	Hợp chất không hấp thụ Hợp chất không hấp thụ	12 12
9	**Thận, hệ thống tiết niệu và thượng thận**			
9.1	Chụp hình thận	Tc-99m	Acid dimercaptosucsinic	185
9.2	Chụp hình thận/thận đồ	Tc-99m Tc-99m I-123	DTPA, gluconat và Glucoheptonat Macroaggregated globulin 3 O-iodohippurat	370 185 20
9.3	Chụp hình tuyến thượng thận	Se - 75	Selenorcholesterol	8
10	**Một số phép kiểm tra khác**			
10.1	Chụp hình áp xe và các khối u	Ga - 67 Tl - 201	xitrat cloriua	300 100
10.2	Chụp hình khối u	Tc - 99 m	Acid dimercaptosuccinic	600
10.3	Chụp hình khối u thần kinh	I - 123	Meta-iodo-benzyl guanidin	400
		I - 131	Meta-iodo-benzyl guanidin	40
10.4	Chụp hình hệ bạch mạch	Tc - 99 m	Chất keo đánh dấu	80
10.5	Chụp hình áp xe	Tc - 99 m In - 111	Nghiên cứu kiểm tra tế bào bạch cầu đánh dấu Tế bào bạch cầu đánh giá	600 40
10.6	Chụp hình chẩn đoán tắc mạch	In - 111	Tiêu huyết cầu đánh dấu	40